

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Võ Nhân Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 18 đến ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Quảng Trọng T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Quảng Thị Kim H**, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp Phú Đông 1, xã An Định, huyện N, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021).

2. *Bị đơn:* Bà **Quảng Thị Kim C**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp An Vĩnh 1, xã Đa Phước Hội, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim C**, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp Bình Đông, xã Cẩm Sơn, huyện N, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2021)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1/ Bà **Quảng Thị Kim T**, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; 2/ Bà **Quảng Thị Kim H1**, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp Minh Nghĩa, xã Ngãi Đăng, huyện N, tỉnh B; 3/ Bà **Quảng Thị Th2**, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B; 4/ Bà **Quảng Thị Kim H**, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp Phú Đông 1, xã An

Định, huyện N, tỉnh B; 5/ Chị **Quảng Thị Thảo V**, sinh năm 1999; 6/ Chị **Quảng Thị Kim D**, sinh năm 1996, cùng địa chỉ: Ấp Ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quảng Thị Kim T, Quảng Thị Kim H1, Quảng Thị Th2: Bà Quảng Thị Kim H, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp Phú Đông 1, xã An Định, huyện N, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021).

Bà H và chị Chi có mặt, chị V và chị D xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Quảng Trọng Thuởng, bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Quảng Thị Kim H trình bày:

Thửa đất 350, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.212,1m² (trong đó có 300m² đất ONT), tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B trước đây là thuộc một phần thửa 1332, tờ bản đồ số 01 diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất 13.772m² mà cha mẹ của bà là ông Quảng Trọng Tr và bà Nguyễn Thị H5 quản lý sử dụng, sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị H5. Nguồn gốc đất là của ông bà để cho ông Tr và bà H5. Ông Tr chết năm 1995, bà H5 chết năm 2014, ông Tr và bà H5 chết không để lại di chúc.

Ông Tr và bà H5 có 06 người con gồm: Quảng Trọng T, Quảng Thị Th2, Quảng Thị Kim H, Quảng Thị Kim H1, Quảng Thị Kim C, Quảng Thị Kim T. Ngoài ra ông Tr và bà H5 không có vợ/chồng nào khác, không có con ruột hay con nuôi nào khác, không có cha mẹ nuôi, cha mẹ ruột thì đã chết rất lâu.

Sau khi ông Tr chết thì bà H5 tiếp tục quản lý sử dụng đất và căn nhà trên đất. Năm 2012 ông TH đập bỏ căn nhà cũ của cha mẹ, xây dựng lại căn nhà tường tại vị trí nhà của ông Tr và bà H5 xây trước đây. Sau khi bà H5 mất thì ông T tiếp tục quản lý thửa đất 350 và căn nhà trên đất.

Hiện trạng trên thửa 350b có mộ của ông bà, ông Tr, bà H5 và người thân của bà, dựa trên đất do cha mẹ trồng. Hiện trên đất thửa 350a có một căn nhà xây tường do ông T xây dựng năm 2012 và đang quản lý, một căn nhà xây tường của bà Th2, cây trồng là dừa do cha mẹ trồng trước đó, một cây bưởi do ông T trồng.

Ông T, bà T, bà H1, bà H và bà Th2 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 350, cụ thể: Thửa 350b diện tích 881,8m² làm khu thổ mộ chung do tất cả các đồng thừa kế cùng đứng tên, quản lý sử dụng; Thửa 350a có diện tích 1330,2m² thì sau khi đã trừ phần đất làm lối đi vào thổ mộ có chiều ngang 2m, phần diện tích còn lại thì chia thừa kế theo pháp luật, chia thành 06 phần bằng nhau cho ông T, bà Th2, bà H, bà T, bà H1 và bà C.

Về phần lối đi vào thửa 350b yêu cầu chừa tại vị trí tính từ đường bê tông, lối đi có cạnh giáp với thửa 350b và cạnh còn lại giáp ranh các thửa 351, 346 và một phần thửa 538.

Đối với căn nhà ông T đang quản lý trên thửa đất 350a thì đồng ý với yêu cầu của bà C chia thửa theo pháp luật thành 6 phần bằng nhau, ông T nhận nhà, hoàn giá trị lại cho bà C. Bà Th2, bà H1, bà H và bà T không yêu cầu chia căn nhà, đồng ý để cho ông T quản lý, nếu có nhu cầu thì sẽ khởi kiện vụ án khác.

Về vị trí đất yêu cầu được phân chia:

Ông T yêu cầu được nhận đất tại vị trí có căn nhà ông đang quản lý.

Bà Th2 yêu cầu được nhận đất tại vị trí có căn nhà bà Th2 đang quản lý.

Bà H, bà T, bà H1 yêu cầu được nhận đất.

Đối với kỹ phần của bà T được nhận thì bà T đồng ý tặng cho lại bà Th2 và đồng ý nhập chung với phần diện tích bà Th2 được chia và giao bà Th2 quản lý sử dụng.

Bà H, bà H1 nhận đất tại vị trí giáp ranh với phần đất chia cho ông T.

Mỗi phần đất được chia đều có cạnh giáp với đường bê tông.

Ông T, bà T, bà H1, bà H và bà Th2 xin rút yêu cầu chia thửa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 485, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B, do xác định hiện di sản do ông Tr và bà H5 để lại chỉ có thửa đất 350 nên chỉ yêu cầu chia thửa kế đối với thửa 350, các phần đất khác trước đây đã chuyển nhượng cho người khác nên không có tranh chấp.

Đối với cây trồng trên đất không yêu cầu chia, ai được chia phần nào có cây trồng thì sử dụng, quá trình thi hành án nếu cắt chia trúng thì tự đốn bỏ, chuồng trại trên đất hiện không còn giá trị sử dụng, nếu ai được chia thì sử dụng, cắt chia trúng thì tự đập bỏ, không ai phải bồi thường cho ai. Thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản.

Theo bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Kim Chi là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Quảng Thị Kim C trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà H về nguồn gốc thửa đất 350, tờ bản đồ, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B, thời gian ông Tr và bà H5 chết, hàng thừa kế của ông Tr và bà H5.

Sau khi ông Tr và bà H5 mất thì ông T tiếp tục quản lý thửa đất 350 và căn nhà trên đất được một thời gian thì ông T đi làm ở TPHCM nên bà C có đến quản lý nhà và đất. Bà C có tu sửa nhà và bơm cát trên phần đất mộ thuộc thửa 350b.

Hiện trạng trên thửa 350b có mộ của ông bà, cha mẹ và người thân bà C, dựa do cha mẹ bà C trồng.

Hiện trên đất thửa 350a có một căn nhà xây tường do cha mẹ bà C xây dựng, hiện ông T đang quản lý, một căn nhà xây tường của bà Th2, cây trồng là dừa do cha mẹ bà C trồng trước đó, một cây bưởi do ông T trồng.

Bà C đồng ý để phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 350b diện tích 881,8m² làm khu thổ mộ chung do tất cả các đồng thừa kế cùng đứng tên, quản lý sử dụng; Phần diện tích còn lại theo đo đạc thực tế thuộc thửa 350a có diện tích 1330,2m² thì chia thửa kế theo pháp luật, chia thành 06 phần bằng nhau cho ông T, bà Th2, bà H,

bà T, bà H1 và bà C sau khi đã trừ phần đất làm lối đi vào thổ mộ, bà C yêu cầu được nhận đất, vị trí đất do Hội đồng xét xử quyết định.

Về phần lối đi vào thửa 350b thì bà C yêu cầu chừa phần đất làm lối đi vào khu đất làm thổ mộ tính từ đường bê tông vào đến thửa 350b, lối đi có cạnh là đường thẳng dọc theo vách của căn nhà do ông T Quảng lý, đường thẳng này song song với vách nhà và cách nhà khoảng 30cm, có chiều ngang 4m, chiều dài từ đường bê tông đến thửa 350b.

Đối với căn nhà ông T đang quản lý trên thửa đất 350a thì đây là tài sản của cha mẹ bà C nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà, chia thành 06 phần bằng nhau, đồng ý để ông T quản lý nhà và hoàn giá trị cho hàng thừa kế còn lại. Đối với phần cát mà bà C đã sang lấp trên thửa 350b và phần bà C tu bổ vào căn nhà do ông T quản lý thì bà C không yêu cầu các hàng thừa kế còn lại phải bồi hoàn giá trị cho bà C.

Bà C xác định hiện di sản do cha mẹ bà C để lại chỉ có thửa đất 350 và căn nhà trên đất nên chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 350 và căn nhà này, các phần đất khác trước đây đã chuyển nhượng cho người khác nên không có tranh chấp.

Cây trồng trên đất không yêu cầu chia, ai được chia phần nào có cây trồng thì sử dụng, quá trình thi hành án cắt chia trúng thì tự đồn bỏ, không ai phải bồi thường cho ai. Đối với chuồng trại trên đất hiện thì thống nhất với ý kiến của bà H. Thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quãng Thị Thảo V và Quãng Thị Kim D thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa 350 là của ông bà để lại cho cho Tr và bà H5. Chị V và chị D không có đóng góp công sức hay cải tạo gì đối với thửa đất 350 và tài sản trên đất, không có tranh chấp gì đối với thửa đất 350.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 651, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Trọng T, yêu cầu độc lập của bà Quảng Thị Th2, Quảng Thị Kim H, Quảng Thị Kim H1, Quảng Thị Kim T và yêu cầu phản tố của bà Quảng Thị Kim C, cụ thể:

Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối thửa đất số 485, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia di sản thừa kế là phần đất thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B thành 06 kỷ phần sau khi trừ lối đi chung vào thửa 350b theo hồ sơ trích đo.

Ghi nhận các đương sự để lại thửa 350b diện tích 881,7m² làm khu thổ mộ chung. Đối với kỷ phần bà T được nhận bà T tặng cho toàn bộ cho bà Th2 nên ghi nhận.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên thửa 350a do ông T quản lý thành 06 kỷ phần. Giao ông T tiếp tục quản lý căn nhà và kỷ phần của bà Th2, bà H, bà T và bà H1, khi có yêu cầu sẽ phân chia, ông T có nghĩa vụ hoàn lại giá trị căn nhà cho bà C là 12.545.000 đồng.

Đối với cây trồng, chuồng trại trên đất các đương sự thống nhất không yêu cầu chia, ai được chia phần đất có cây trồng và chuồng trại thì sẽ sử dụng, nếu cắt trúng thì tự đốn bỏ, đập bỏ nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Quảng Trọng T thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn và phần đất tranh chấp có địa chỉ tại huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hạn khởi kiện: Các bên đương dự thống nhất người để lại di sản là ông Quảng Trọng Tr chết năm 1995 và bà Lê Thị H5 chết năm 2014, ngày 24/12/2020 nguyên đơn khởi kiện, căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

[1.4] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Quăng Thị Kim D, chị Quăng Thị Thảo V có xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D và chị V theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hàng thừa kế:

Các đương sự đều trình bày thống nhất ông Tr và bà H5 có 06 người con là bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim C, bà Quảng Thị Kim H, bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Th2 và ông Quảng Trọng T. Ông Tr và bà H5 chết không để lại di

chức, các bên thống nhất chia di sản theo pháp luật. Từ đó có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr và bà H5 gồm: bà T, bà C, bà H, bà H1, bà Th2 và ông T.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều trình bày thống nhất: Phần đất tranh chấp diện tích $2.212m^2$ (trong đó có $300m^2$) thuộc thửa đất 350, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B (thửa cũ thuộc một phần thửa 1332, tờ bản đồ số 01, ấp Phú Lộc T, xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh B) và căn nhà trên đất do ông T đang quản lý là tài sản chung của ông Tr và bà H5 trong tổng diện tích $13.772m^2$, năm 1994 ông Tr chết thì bà H5 tiếp tục quản lý, sử dụng và được cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H5 vào 14/6/1999. Sau khi bà H5 chết thì ông T và bà Th2 quản lý sử dụng cho đến nay. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trước khi ông Tr và bà H5 chết không để lại di chúc, chưa định đoạt tài sản này cho ai nên thửa đất 350 và tài sản trên đất là di sản của ông Tr và bà H5 nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của bà C về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đồng với căn nhà (ký hiệu nhà 1) do ông T đang quản lý:

Các bên đương sự thống nhất chia giá trị căn nhà thành 06 kỷ phần, giao cho ông T quản lý nhà, ông T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho các thừa kế khác; bà H1, bà Th2, bà H, bà T không yêu cầu chia đồng ý để ông T tiếp tục quản lý nhà khi nào có nhu cầu sẽ khởi kiện vụ án khác. Theo biên bản định giá ngày 09/12/2021 thì căn nhà có tổng giá trị là 75.271.219 đồng, chia thành 06 kỷ phần thì mỗi kỷ phần thừa kế được nhận là 12.545.000 đồng; chia cho ông T và bà C, các thừa kế còn lại không yêu cầu chia nên giao căn nhà cho ông T quản lý, ông T có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần mà bà C được nhận là 12.545.000 đồng cho bà C, giá trị các kỷ phần được phân chia của bà Th2, bà H1, bà T và bà H mỗi người là 12.545.000 đồng, tổng cộng là 50.180.00 đồng tạm giao cho ông T quản lý; bà Th2, bà H1, bà T và bà H nếu có nhu cầu thì tự thỏa thuận với ông T hoặc khởi kiện bằng vụ án khác để phân chia.

[2.4] Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với thửa đất 350:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự trình bày thống nhất để thửa 350b làm khu thổ mộ chung để các đồng thừa kế cùng đứng tên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do phần đất thuộc thửa 350b nằm phía trong thửa 350a, để từ thửa 350b có thể ra đến đường công cộng thì cần thiết phải để lại đường đi. Tại phiên tòa bà H yêu cầu để lối đi chung vào khu thổ mộ thuộc thửa 350b có chiều ngang 2m có cạnh giáp với đường bê tông, cạnh giáp với các thửa đất liền kề 351, 346 và một phần thửa 538; chị Chi yêu cầu để lối đi chung vào khu thổ mộ có chiều ngang là 4m, có cạnh giáp với đường bê tông và cạnh song song giáp với cạnh phía Đông Bắc của căn nhà ông T đang quản lý (nhà 1) do phần này có đất liền đã làm lối đi vào khu mộ từ

trước đó, còn phần bà H yêu cầu để lối đi hiện trạng toàn bộ là mương, khó khăn trong việc cải tạo lối đi mới. Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất làm lối đi chung mà chị Chi yêu cầu có vị trí ở giữa đất, diện tích lối đi lớn và nếu cắt chừa làm lối đi chung ở vị trí này thì phần đất còn lại của thửa 350a (phần có cạnh giáp với thửa liền kề 351, 346 và một phần thửa 538) sẽ không đủ điều kiện tách thửa theo quy định. Do đó, để lại đường đi chung có chiều ngang 2m có cạnh tiếp giáp với đường bê tông và cạnh tiếp giáp thửa liền kề 351, 346 theo ý kiến của bà H là phù hợp.

[2.5] Theo hồ sơ trích đo bổ sung ngày 22/8/2022, sau khi khấu trừ đường đi chung 87,6m² thửa 350a1 và khu đất thổ mộ chung 881,8m² thửa 350b thì di sản thừa kế của ông Tr và bà H5 còn lại là: 1242,6m², theo biên bản định giá ngày 09/12/2021 tương ứng với giá trị 994.000.000 đồng, chia đều cho 06 thừa kế tương ứng với mỗi kỷ phần được nhận 207,1m² tương đương với giá trị 165.680.000 đồng.

[2.6] Về vị trí phân chia: Do trên đất có căn nhà của bà Th2 đang quản lý và căn nhà do ông T đang quản lý, để đảm bảo các thừa kế đều được nhận đất có cạnh giáp với đường bê tông theo yêu cầu của các bên, đồng thời đảm bảo quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa và việc cắt chia cơ quan chuyên môn cũng không thể cắt chính xác diện tích đất tương ứng với giá trị mà các hàng thừa kế được nhận nên hàng thừa kế nào nhận diện tích đất thừa so với giá trị của kỷ phần mình được nhận thì có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch cho hàng thừa kế nhận diện tích đất ít hơn.

+ Đối với kỷ phần của bà T được nhận thì bà T đồng ý tặng cho lại bà Th2 và đồng ý nhập chung với phần diện tích bà Th2 được chia và giao bà Th2 quản lý sử dụng nên ghi nhận. Như vậy, bà Th2 sẽ được nhận phần đất tại vị trí có căn nhà của bà Th2 đang quản lý thuộc thửa 350a2 diện tích 348,9m² (trong đó có 61,2m² đất ONT) tương đương giá trị là 279.120.000đồng, so với kỷ phần được nhận là 414,2m² thì bà Th2 nhận còn thiếu diện tích đất là 65,3m² trị giá 52.240.000 đồng.

+ Chia cho bà C tại thửa 350a3 diện tích 188,4m² (trong đó có 57,1m² ONT) tương đương giá trị 150.720.000đồng, so với kỷ phần được nhận thì bà C nhận còn thiếu diện tích đất 18,7m² trị giá 14.960.000đồng.

+ Chia cho bà H tại thửa 350a4 diện tích 193,8m² (trong đó có m² 56m² ONT) tương đương giá trị 155.040.000đồng, so với kỷ phần được nhận thì bà Th2 nhận còn thiếu diện tích đất 13,3m² trị giá 10.640.000đồng.

+ Chia cho ông T nhận phần đất tại vị trí căn nhà ông T đang quản lý thuộc thửa 350a5 diện tích 246,6m² (trong đó có 75,7m² ONT), tương đương giá trị 197.280.000 đồng đã vượt giá trị kỷ phần ông T được nhận với diện tích 39,5m² trị giá 31.600.000đồng.

+ Chia cho bà H1 nhận phần đất thuộc thửa 350a6 diện tích 265m² (trong đó có 50m² ONT), tương đương giá trị 212.000.000 đã vượt giá trị kỷ phần bà H1 được nhận với diện tích 57,9m² trị giá 46.320.000đồng.

[2.7] Do ông T, bà H1 nhận diện tích đất vượt giá trị kỷ phần được phân chia nên ông T, bà H1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần chênh lệch do nhận vượt diện tích

đất so với kỷ phần mình được chia cho các thừa kế còn lại nhận diện tích đất thấp hơn giá trị kỷ phần được chia. Cụ thể:

- + Ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà C giá trị chênh lệch là 14.960.000đồng.
- + Ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H giá trị chênh lệch là 10.640.000đồng.
- + Ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Th2 giá trị chênh lệch là 6.000.000đồng.
- + Bà H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Th2 giá trị chênh lệch là 46.240.000 đồng.

[2.8] Ghi nhận bị đơn Quảng Thị Kim C không yêu cầu các thừa kế còn lại hoàn trả giá trị cát sang lấp mà bà C cho rằng đã sang lấp trên thửa đất 350b và giá trị mà bà C cho rằng đã tu bổ đối với căn nhà (nhà 1) trên thửa đất 350a mà ông T đang quản lý.

[2.9] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất: Quá trình thi hành án cắt các thửa đất phân chia, trên đất của ai có cây trồng, chuồng trại thì người có được sử dụng; nếu cắt đường ranh tiếp giáp giữa các thửa đất liền kề trúng vào cây trồng, chuồng trại thì các bên tự nguyện chặt bỏ không ai phải bồi thường cho ai. Đây là ý chí tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.10] Theo biên bản đo đạc 09/12/2021 các bên trình bày thống nhất sử dụng kết quả hiệp tH ranh của đo đạc chính quy đối với thửa đất 350 với các chủ sử dụng đất liền kề làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu hiệp tH ranh lại và các bên cam kết tự chịu trách nhiệm với các chủ sử dụng đất liền kề nếu có phát sinh tranh chấp nên ghi nhận.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh B tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp là 8.589.000 đồng, các hàng thừa kế phải cùng chịu mỗi người một phần bằng nhau là 1.431.500 đồng. Do ông T đã nộp xong nên các hàng thừa kế còn lại có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với kỷ phần mỗi người được nhận.

Do bà Quảng Thị Kim T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 611, 612, 613, 615, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 207, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Trọng T, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Quảng Thị Kim C, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H và bà Quảng Thị Th2, cụ thể:

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Trọng T và yêu cầu độc lập của bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H, bà Quảng Thị Th2 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối thừa đất số 485, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B.

2. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Quảng Trọng T, bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H và bà Quảng Thị Th2:

2.1. Ông Quảng Trọng T, bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H và bà Quảng Thị Th2 được phân chia thừa kế đối với di sản của ông Tr và bà H5 là thửa đất 350, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B (thửa cũ thuộc một phần thửa 1332, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Phú Lộc T, xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh B), mỗi người nhận diện tích đất là 207,1m² tương ứng với giá trị là 165.680.000 đồng, cụ thể:

- Ông Quảng Trọng T được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 246,6m² (trong đó có 75,7m² đất ONT) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 350a5, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B (có bản vẽ kèm theo).

- Ghi nhận bà Quảng Thị Kim T tự nguyện tặng cho và nhập chung phần diện tích đất bà T được phân chia vào phần diện tích đất được phân chia cho bà Quảng Thị Th2 và giao cho bà Quảng Thị Th2 toàn quyền quản lý sử dụng đất có diện tích 348,9m² (trong đó có 61,2m² đất ONT) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 350a2, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B. Buộc ông Quảng Trọng T có trách nhiệm giao lại cho bà Quảng Thị Th2 diện tích đất và tài sản trên đất của thửa 350a2 (có bản vẽ kèm theo).

- Bà Quảng Thị Kim C được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 188,4m² (trong đó có 57,1m² đất ONT) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 350a3, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B. Buộc ông Quảng Trọng T có trách nhiệm giao lại cho bà Quảng Thị Kim C diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất của thửa 350a3 (có bản vẽ kèm theo).

- Bà Quảng Thị Kim H được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 193,8m² (trong đó có 56m² đất ONT) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 350a4, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B. Buộc ông Quảng Trọng T có trách nhiệm giao lại cho bà Quảng Thị Kim H diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất của thửa 350a4 (có bản vẽ kèm theo).

- Bà Quảng Thị Kim H1 được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 265,0 m² (trong đó có 50m² đất ONT) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 350a6, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B. Buộc ông Quảng

Trọng T có trách nhiệm giao lại cho bà Quảng Thị Kim H1 diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất của thửa 350a6 (có bản vẽ kèm theo).

- Buộc ông Quảng Trọng T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Quảng Thị Kim C số tiền chênh lệch là 27.505.000đồng (Hai mươi bảy Tr năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

- Buộc ông Quảng Trọng T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Quảng Thị Kim H số tiền chênh lệch là 10.640.000đồng (Mười Tr không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

- Buộc ông Quảng Trọng T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Quảng Thị Th2 số tiền chênh lệch là 6.000.000đồng (Sáu Tr đồng).

- Buộc bà Quảng Thị Kim H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Quảng Thị Th2 số tiền chênh lệch là 46.240.000 đồng (Bốn mươi sáu Tr hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

2.2. Ông Quảng Trọng T, bà Quảng Thị Kim C, bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H và bà Quảng Thị Th2 được đồng sở hữu khu mộ chung của thân tộc và đường đi chung để vào khu mộ thuộc thửa đất số 350a1 diện tích 87,6m² và thửa 350b, diện tích 818,8m², tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B (có bản vẽ kèm theo).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Quảng Thị Kim C: Bà Quảng Thị Kim C được phân chia thừa kế đối với di sản của ông Tr và bà H5 là căn nhà (nhà 1) do ông Quảng Trọng T quản lý trên thửa đất 350a, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B, trị giá căn nhà là 75.270.719 đồng, mỗi thừa kế được nhận giá trị 12.545.000 đồng, cụ thể:

- Bà Quảng Thị Kim C được phân chia thừa kế giá trị căn nhà với số tiền là 12.545.000 đồng (Mười hai Tr năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Buộc ông Quảng Trọng T có nghĩa vụ hoàn số tiền này cho bà Quảng Thị Kim C.

- Ông Quảng Trọng T được phân chia thừa kế giá trị căn nhà với số tiền là 12.545.000 đồng. Ông Quảng Trọng T được toàn quyền quản lý sử dụng căn nhà (nhà 1) trên thửa đất số 350a5, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện N, tỉnh B (Có bản vẽ kèm theo).

- Đối với kỹ phần của bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H và bà Quảng Thị Th2 mỗi người được chia giá trị căn nhà với số tiền là 12.545.000 đồng. Do bà H1, bà T, bà H và bà Th2 không yêu cầu phân chia nên tạm giao cho ông Quảng Trọng Thương quản lý giá trị kỹ phần này của bà H1, bà T, bà H và bà Th2, khi nào bà H1, bà T, bà H và bà Th2 có nhu cầu thì các bên tự tH lượng hoặc khởi kiện ở vụ án khác.

4. Ghi nhận bị đơn Quảng Thị Kim C không yêu cầu các thừa kế còn lại hoàn trả giá trị cát sang lấp mà bà C cho rằng đã sang lấp trên thửa đất 350b và giá trị mà bà C cho rằng đã tu bổ đối với căn nhà (nhà 1) trên thửa đất 350a5.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất quá trình thi hành án cắt vào phần đất phân chia, trên đất của ai có cây trồng, chuồng trại thì người có được sử dụng; nếu cắt đường ranh tiếp giáp giữa các thửa đất liền kề trùng vào cây trồng,

chuồng trại trên đất thì các đương sự tự nguyện chặt bỏ không ai phải bồi thường cho ai.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất sử dụng kết quả hiệp tH ranh của đo đạc chính quy đối với thửa đất 350 với các chủ sử dụng đất liền kề để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu hiệp tH ranh lại và cam kết tự chịu trách nhiệm với các chủ sử dụng đất liền kề nếu có phát sinh tranh chấp.

7. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho các đương sự khác và nghĩa vụ án phí đã được xác định trong bản án

8. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002561QSĐĐ/571/1999/QĐUN(H) đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H5 ngày 14/6/1999 để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nêu trên theo nội dung bản án đã tuyên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Bà Quảng Thị Kim C, bà Quảng Thị Kim T, bà Quảng Thị Kim H1, bà Quảng Thị Kim H và bà Quảng Thị Th2 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Quảng Trọng T số tiền là 1.431.500 đồng.

10. Về án phí:

- Ông Quảng Trọng T có nghĩa vụ chịu 8.911.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005850 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B, ông T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.211.000 đồng.

- Bà Quảng Thị Kim C phải chịu 8.911.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007840 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B, bà C còn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.597.000 đồng.

- Bà Quảng Thị Kim T được miễn toàn bộ án phí.

- Bà Quảng Thị Kim H1 phải chịu 8.284.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007091 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B, bà H1 còn phải nộp thêm số tiền án phí là 7.584.000 đồng.

- Bà Quảng Thị Kim H phải chịu 8.284.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0007090 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B, bà H còn phải nộp thêm số tiền án phí là 7.584.000 đồng.

- Bà Quảng Thị Th2 phải chịu 8.284.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007092 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B, bà Th2 còn phải nộp thêm số tiền án phí là 7.584.000 đồng.

5. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh B ^(1b) ;
- VKSND huyện N ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện N ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^{(3b) TC:8b} .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

